TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Huấn
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng Dân – *Kiểm sát viên*.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 977/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1980 (Có mặt)
Thường trú: Thị trấn A, huyện B, tỉnh Khánh Hòa

Bị đơn: Ông Hoàng Sỹ Hiền H – sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phường C, quận Tân Phú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Hoàng Sỹ Hiền H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/2001 ngày 18/12/2001. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung cùng gia đình nhà ông H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên không còn sống chung nhà. Bà chủ động dọn về quê sống riêng đã 10 năm nay. Bà đã tạo điều kiện, cơ hội để vợ chồng tự điều chỉnh và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Ông H vẫn không thay đổi, khắc phục khuyết điểm. Vợ chồng không chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Thời gian ly thân để tự mỗi bên điều chỉnh nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Sỹ Hiền H.

Về quan hệ con chung : Bà N khai có 02 con chung là Hoàng Quang V sinh ngày 13/8/2001 và Hoàng Quang T sinh ngày 13/8/2001. Bà N đồng ý giao hai con chung cho ông H nuôi dưỡng. Bà N đóng góp cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 1.500.000đồng/tháng/trẻ).

Về tài sản chung và nợ chung : Bà N khai không có và không nợ ai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Hoàng Sỹ Hiền H nhưng ông H vẫn vắng mặt. Ông H không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà N và ông H chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà N khai có 02 con, bà N đồng ý giao con chung cho ông H nuôi. Bà N đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 1.500.000đồng/tháng/trẻ). Thực tế bà N thừa nhận từ khi dọn ra ngoài sống riêng, các con vẫn sống cùng ông H. Nay bà muốn ổn định tâm lý cho các con và tránh xáo trộn về nơi ở nên bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi

dưỡng. Mặt khác, các con chung của bà với ông H có nguyện vọng muốn được ở cùng với ông H . Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà N khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sở thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do ông H hiện đang cư ngụ tại quận Tân phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày18/12/2001, thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Sỹ Hiền H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, lời khai của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà N, ông H chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông H không đến Tòa. Điều này chứng minh ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H ngày càng trầm trọng , mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có hạnh phúc. Thực tế hai bên không còn sống chung nhà.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".Thực tế bà N, ông H không sống chung nhà thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Bà N khai có 02 con chung là trẻ Hoàng Quang V sinh ngày 13/8/2001 và trẻ Hoàng Quang T sinh ngày 13/8/2001. Bà N đồng ý giao hai con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 1.500.000đồng/tháng /01 trẻ). Thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện hai con chung của ông H, bà N vẫn đang sinh sống cùng ông H, thực tế qua xác minh tại địa phương thể hiện các con chung của bà N, ông H hiện đang sinh sống cùng ông H. Nay bà N tự nguyện giao con cho ông H nuôi dưỡng là nhằm ổn định về tâm lý cũng như nơi ở của các con và phù hợp với nguyện vọng của các con với mong muốn được ở cùng ông H, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông H có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147;Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hoàng Sỹ Hiền H. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày18/12/2001, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là trẻ Hoàng Quang V sinh ngày 13/8/2001 và trẻ Hoàng Quang H sinh ngày 13/8/2001 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 1.500.000đồng /tháng /01 trẻ). Thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thực cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Bà N được quyến thăm nom con không ai được cản

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà N khai không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông H có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành việc cấp dưỡng nuôi con mà bà N không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà N đã tạm nộp theo biên lai số 0009938 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà N còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
-UBND phường D, quận E
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Hương